

Số: 1239/QĐ-UBND

Điện Biên, ngày 14 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh tăng dự toán thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương cho ngân sách địa phương, đồng thời điều chỉnh tăng chi dự toán nguồn kinh phí sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, (đợt 1), năm 2022

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 653/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách Trung ương năm 2022 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2023, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1073/QĐ-BTC ngày 10/6/2022 của Bộ Tài chính về việc giao dự toán bổ sung có mục tiêu kinh phí sự nghiệp từ ngân sách Trung ương cho ngân sách địa phương năm 2022 để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 02/4/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên về việc ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Nghị quyết số 77/NQ-

TTHĐND ngày 14/7/2022 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên về việc điều chỉnh tăng dự toán thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương cho ngân sách địa phương, đồng thời điều chỉnh tăng chi dự toán nguồn kinh phí sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, (đợt 1), năm 2022;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình 1287/TTr-STC ngày 29/6/2022,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh tăng dự toán thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương cho ngân sách địa phương với số tiền 230.585 triệu đồng; đồng thời điều chỉnh tăng chi dự toán nguồn kinh phí sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, đợt 1, năm 2022 với số tiền 185.930 triệu đồng (*Một trăm tám mươi lăm tỷ, chín trăm ba mươi triệu đồng*) cho các cơ quan, đơn vị khối tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện.

(Có biểu chi tiết kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Tài chính có trách nhiệm cân đối từ nguồn kinh phí trên, bổ sung kinh phí cho các cơ quan, đơn vị có tên tại Điều 1 Quyết định này thực hiện.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị được phân bổ kinh phí có trách nhiệm quản lý, sử dụng và thanh quyết toán nguồn kinh phí được bổ sung theo các quy định hiện hành của nhà nước.

3. Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm cân đối nguồn lực, đảm bảo bố trí nguồn kinh phí sự nghiệp ngân sách địa phương đối ứng tối thiểu bằng 5% ngân sách Trung ương bổ sung theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành để thực hiện Chương trình.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT. Tỉnh ủy (b/c);
- TT. HĐND tỉnh (b/c);
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT^(NQT).

(Chữ ký)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Thành Đô

**BIỂU CHI TIẾT ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN KINH PHÍ SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MTOC PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC
THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI, NĂM 2022 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐIỆN BIÊN**

(Kèm theo Quyết số 1239/QĐ-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2022 của UBND tỉnh Điện Biên)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
A	Điều chỉnh tăng thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương tại Quyết định số 1073/QĐ-BTC ngày 10/6/2022 của Bộ Tài chính	230.585	
B	Điều chỉnh tăng chi dự toán cho các đơn vị	230.585	
I	Khối tỉnh	37.695	
1	Ban Dân tộc tỉnh	9.967	
2	Sở Nông nghiệp và PTNT	3.259	
3	Sở Giáo dục và Đào tạo	4.884	
4	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	1.418	
5	Sở Y tế	6.331	
6	Sở Tư pháp	467	
7	Sở Thông tin và Truyền thông	396	
8	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	219	
9	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh	219	
10	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2.580	
11	Liên minh Hợp tác xã	250	
12	Trường Cao đẳng Nghề	1.825	
13	Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật	1.825	
14	Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh Điện Biên	50	

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
15	Sở Kế hoạch đầu tư	50	
16	Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	3.955	
II	Khối huyện	148.235	
1	Huyện Điện Biên	19.317	
2	Huyện Điện Biên Đông	22.513	
3	Huyện Mường Chà	14.902	
4	Huyện Mường Nhé	20.979	
5	Huyện Nậm Pồ	17.882	
6	Huyện Tủa Chùa	16.991	
7	Huyện Tuần Giáo	20.116	
8	Huyện Mường Ảng	7.586	
9	Thị xã Mường Lay	1.901	
10	Thành phố Điện Biên Phủ	6.048	
III	Nguồn kinh phí dư chưa đủ điều kiện phân bổ chi tiết	44.655	

CHI TIẾT PHÂN BỐ NGUỒN VỐN SỰ NGHIỆP CHO CÁC DỰ ÁN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI, NĂM 2022 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐIỆN BIÊN

(Kèm theo Quyết số 1239/QĐ-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2022 của UBND tỉnh Điện Biên)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất và nước sinh hoạt					Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị				Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực		Dự án 5: Phát triển giáo dục nâng cao chất lượng nguồn nhân lực					
			Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó	Tổng số	Trong đó (sự nghiệp giáo dục)				
				Hỗ trợ chuyển đổi nghề (sự nghiệp giáo dục)	Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán	Trong đó			Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân (sự nghiệp kinh tế)	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN	Trong đó				Tiểu dự án 1: Đầu tư CSHT thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN (Sự nghiệp kinh tế)	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù cho người dân vùng đồng bào DTTS	Tiểu dự án 2:Bồi dưỡng kiến thức dân tộc, đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào DTTS&MN	Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng DTTS&MN	Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp
						Sự nghiệp kinh tế	Đảm bảo xã hội				Hỗ trợ phát triển vùng trồng cây dược liệu quý (sự nghiệp y tế)	Phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, thúc đẩy khởi sự kinh doanh (sự nghiệp kinh tế)							
A	B	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	Tổng cộng	230.585	19.082	8.031	11.051	4.139	6.912	82.990	3.437	34.898	2.805	32.093	11.862	11.862	43.827	4.854	4.904	27.368	6.701
I	Khối tỉnh	37.695	0	0	0	0	0	3.209	0	3.209	0	3.209	0	0	19.623	4.854	1.226	6.842	6.701
1	Ban Dân tộc	9.967	0		0			0		0			0		7.927		1.226	0	6.701
2	Sở Nông nghiệp và PTNT	3.259	0		0			3.209		3.209		3.209	0		0				
3	Sở Giáo dục và Đào tạo	4.884	0		0			0		0			0		4.854	4.854	0	0	0
4	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	1.418	0		0			0		0			0		1.368	0	0	1.368	0
5	Sở Y tế	6.331	0		0			0		0			0		1.824			1.824	

STT	Nội dung	Tổng số	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất và nước sinh hoạt				Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị				Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực		Dự án 5: Phát triển giáo dục nâng cao chất lượng nguồn nhân lực							
			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó	Tổng số	Trong đó (sự nghiệp giáo dục)						
				Hỗ trợ chuyển đổi nghề (sự nghiệp giáo dục)	Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán	Trong đó		Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân (sự nghiệp kinh tế)	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN	Trong đó				Tiểu dự án 1: Đầu tư CSHT thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN (Sự nghiệp kinh tế)	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù cho người dân vùng đồng bào DTTS	Tiểu dự án 2:Bồi dưỡng kiến thức dân tộc, đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào DTTS&MN	Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng DTTS&MN	Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho công đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp		
						Sự nghiệp kinh tế				Đảm bảo xã hội									Hỗ trợ phát triển vùng trồng cây được liệu quý (sự nghiệp y tế)	Phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, thúc đẩy khởi sự kinh doanh (sự nghiệp kinh tế)
6	Sở Tư pháp	467	0		0			0		0		0		0						
7	Sở Thông tin và Truyền thông	396	0		0			0		0		0		0						
8	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	219	0		0			0		0		0		0						
9	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh	219	0		0			0		0		0		0						
10	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2.580	0		0			0		0		0		0						
11	Liên minh Hợp tác xã	250	0		0			0		0		0		0						
12	Trường Cao đẳng Nghề	1.825	0		0			0		0		0	1.825	0	0	1.825	0			
13	Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật	1.825	0		0			0		0		0	1.825	0	0	1.825	0			
14	Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh Điện Biên	50	0		0			0		0		0	0							
15	Sở Kế hoạch đầu tư	50	0		0			0		0		0	0							
16	Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	3.955	0		0			0		0		0	0							

STT	Nội dung	Tổng số	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất và nước sinh hoạt					Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị					Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực		Dự án 5: Phát triển giáo dục nâng cao chất lượng nguồn nhân lực					
			Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó	Tổng số	Trong đó (sự nghiệp giáo dục)				
				Hỗ trợ chuyển đổi nghề (sự nghiệp giáo dục)	Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán	Trong đó			Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân (sự nghiệp kinh tế)	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN	Trong đó					Tiểu dự án 1: Đầu tư CSHT thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN (Sự nghiệp kinh tế)	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù cho người dân vùng đồng bào DTTS	Tiểu dự án 2:Bồi dưỡng kiến thức dân tộc, đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào DTTS&MN	Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng DTTS&MN	Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho công đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp
						Sự nghiệp kinh tế	Đảm bảo xã hội				Hỗ trợ phát triển vùng trồng cây được liệu quý (sự nghiệp y tế)	Phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, thúc đẩy khởi sự kinh doanh (sự nghiệp kinh tế)								
II	Khối huyện	148.235	19.082	8.031	11.051	4.139	6.912	35.126	3.437	31.689	2.805	28.884	11.862	11.862	24.204	0	3.678	20.526	0	
1	Huyện Điện Biên	19.317	1.840	836	1.004	376	628	5.659	1.965	3.694	0	3.694	1.531	1.531	4.997	0	613	4.384	0	
2	Huyện Điện Biên Đông	22.513	5.856	3.063	2.793	1.046	1.747	4.090	0	4.090	401	3.689	1.476	1.476	3.199	0	409	2.790	0	
3	Huyện Mường Chà	14.902	1.659	517	1.142	428	714	3.264	0	3.264	0	3.264	1.319	1.319	1.825	0	350	1.475	0	
4	Huyện Mường Nhé	20.979	4.397	1.582	2.815	1.054	1.761	3.470	0	3.470	401	3.069	1.258	1.258	1.596	0	321	1.275	0	
5	Huyện Nậm Pồ	17.882	794	159	635	238	397	4.565	92	4.473	401	4.072	1.801	1.801	1.713	0	438	1.275	0	
6	Huyện Tủa Chùa	16.991	1.324	117	1.207	452	755	4.901	1.380	3.521	401	3.120	1.259	1.259	1.546	0	350	1.196	0	
7	Huyện Tuần Giáo	20.116	988	133	855	320	535	5.349	0	5.349	401	4.948	1.977	1.977	4.979	0	555	4.424	0	
8	Huyện Mường Ảng	7.586	445	287	158	59	99	2.655	0	2.655	400	2.255	910	910	1.288	0	292	996	0	
9	Thị xã Mường Lay	1.901	119	0	119	45	74	193	0	193	0	193	87	87	1.044	0	87	957	0	
10	Thành phố Điện Biên Phủ	6.048	1.660	1.337	323	121	202	980	0	980	400	580	244	244	2.017	0	263	1.754	0	
III	Nguồn kinh phí dự chưa phân bổ	44.655						44.655												

CHI TIẾT PHÂN BỐ NGUỒN VỐN SỰ NGHIỆP CHO CÁC DỰ ÁN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIẾU SỐ VÀ MIỀN NÚI, NĂM 2022 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐIỆN BIÊN

(Kèm theo Quyết số 1239/QĐ-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2022 của UBND tỉnh Điện Biên)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch (sự nghiệp văn hóa thông tin)	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em (sự nghiệp y tế)	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em			Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn						Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình				Ghi chú
				Tổng số	Trong đó		Tổng số	Tiểu dự án 1: Đầu tư tạo sinh kế bền vững, phát triển kinh tế - xã hội nhóm dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù	Trong đó			Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (sự nghiệp kinh tế)	Tổng số	Tiểu DA 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của NCUT; phổ biến, GDPL, TGPL và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình (sự nghiệp văn hoá-thông tin)	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (sự nghiệp văn hoá - thông tin)	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình (sự nghiệp kinh tế)	
					Sự nghiệp kinh tế	Đảm bảo xã hội			Sự nghiệp y tế	Sự nghiệp văn hoá thông tin	Sự nghiệp kinh tế						
A	B	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	C
	Tổng cộng	5.099	4.477	11.216	7.144	4.072	46.285	43.972	3.684	1.607	38.681	2.313	5.747	3.264	1.100	1.383	
I	Khởi tính	2.550	4.477	3.925	2.500	1.425	231	0	0	0	0	231	3.680	2.187	737	756	
1	Ban Dân tộc			0			231	0				231	1.809	1.093	370	346	
2	Sở Nông nghiệp và PTNT			0			0	0					50			50	
3	Sở Giáo dục và Đào tạo			0			0	0					30			30	
4	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội			0			0	0					50			50	
5	Sở Y tế		4.477	0			0	0					30			30	

STT	Nội dung	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch (sự nghiệp văn hóa thông tin)	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em (sự nghiệp y tế)	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em			Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn						Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình				Ghi chú
				Tổng số	Trong đó		Tổng số	Tiểu dự án 1: Đầu tư tạo sinh kế bền vững, phát triển kinh tế - xã hội nhóm dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù	Trong đó			Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (sự nghiệp kinh tế)	Tổng số	Tiểu DA 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của NCUT; phổ biến, GDPL, TGPL và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình (sự nghiệp văn hoá-thông tin)	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (sự nghiệp văn hoá - thông tin)	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình (sự nghiệp kinh tế)	
					Sự nghiệp kinh tế	Đảm bảo xã hội			Sự nghiệp y tế	Sự nghiệp văn hoá thông tin	Sự nghiệp kinh tế						
6	Sở Tư pháp			0			0	0					467	437	0	30	
7	Sở Thông tin và Truyền thông			0			0	0					396	219	147	30	
8	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh			0			0	0					219	219	0	0	
9	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh			0			0	0					219	219	0	0	
10	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2.550		0			0	0					30			30	
11	Liên minh Hợp tác xã			0			0	0					250		220	30	
12	Trường Cao đẳng Nghệ			0			0	0					0				
13	Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật			0			0	0					0				
14	Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh Điện Biên			0			0	0					50			50	
15	Sở Kế hoạch đầu tư			0			0	0					50			50	
16	Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh			3.925	2.500	1.425	0	0					30			30	

[illegible]